

# MARKET LENS

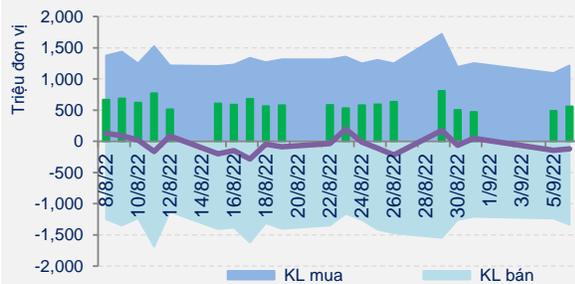
Phiên giao dịch ngày:

6/9/2022

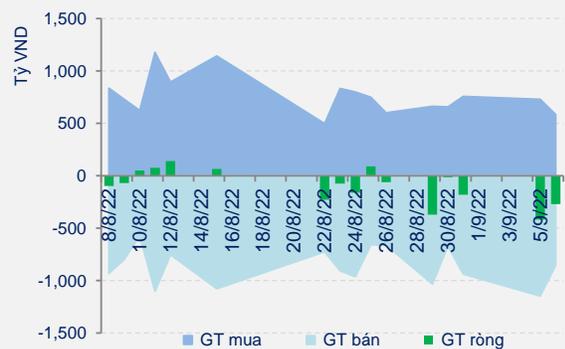
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,277.40	293.27
% Thay đổi	↑ 0.00%	↑ 0.15%
KLGD (CP)	558,719,359	70,041,178
GTGD (tỷ đồng)	14,544.51	1,376.57
Tổng cung (CP)	1,338,228,400	125,803,000
Tổng cầu (CP)	1,217,411,100	91,998,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	24,917,400	599,857
KL mua (CP)	16,275,400	1,493,000
GT mua (tỷ đồng)	583.77	42.56
GT bán (tỷ đồng)	853.44	10.86
GT ròng (tỷ đồng)	(269.67)	31.70

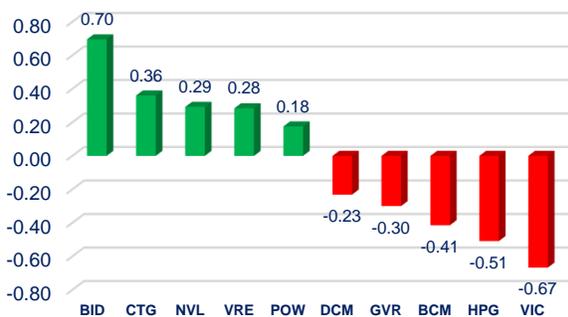
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Hôm qua là ngày lễ Lao động tại Mỹ nên thị trường chứng khoán Mỹ không hoạt động và điều này có thể coi là không có tác động gì đến tâm lý nhà đầu tư trong nước. Tại thị trường chứng khoán Việt Nam, trong phiên hôm nay, thị trường giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian, nhưng những áp lực cung gia tăng trong phiên chiều đã khiến mức tăng chỉ còn là rất nhẹ.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index chỉ tăng 0,05 điểm lên 1.277,4 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE tiếp tục nghiêng về tiêu cực với 191 mã tăng (4 mã tăng trần), 85 mã tham chiếu, 261 mã giảm (5 mã giảm sàn). Chỉ số HNX-INDEX tích cực hơn với mức tăng nhẹ 0,45 điểm (+0,15%) lên 293,27 điểm nhưng số mã giảm tiếp tục chiếm ưu thế so với mã tăng với 100 mã giảm (8 mã giảm sàn) / 87 mã tăng (6 mã tăng trần).

Tâm điểm trong phiên hôm nay là nhóm cổ phiếu ngành năng lượng khi thu hút được dòng tiền mạnh trong bối cảnh giá năng lượng đang tăng ở khắp nơi trên thế giới do lượng cung bị sụt giảm và châu Âu đang đứng trước viễn cảnh thiếu khí đốt khi mùa đông đang đến gần. Nhiều mã trong ngành này đóng cửa trong sắc xanh, có thể kể đến như POW (+2,1%), GEG (+1,1%), PVG (+3,4%), BCG (+3,2%), PC1 (+3,1%)...

Cổ phiếu ngân hàng có sự quay trở lại trong phiên hôm nay nhờ thông tin về việc nới room tín dụng. Nhiều mã kết phiên với mức tăng nhẹ như VPB (+0,3%), MBB (+0,2%), SHB (+0,3%), TCB (+0,1%), CTG (+1,1%)... để cố gắng giữ sắc xanh cho thị trường chung.

Trong nhóm cổ phiếu VN30 (+0,07%), sắc xanh vẫn chiếm đa số với 19/30 mã nhưng đều với mức tăng khá nhẹ nhàng, không đủ sức để kéo thị trường vượt ngưỡng kháng cự 1.285 điểm thành công.

Khối ngoại duy trì đà bán ròng lên phiên thứ sáu liên tiếp trên HOSE với giá trị ròng đạt 269,91 tỷ đồng. Mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất là VIC với 34,3 tỷ đồng tương ứng với 537,6 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 31,2 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu và KDH với 30,7 tỷ đồng tương ứng với 842,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVD là mã chứng khoán được mua ròng mạnh nhất với 56,3 tỷ đồng tương ứng với 2,6 triệu cổ phiếu.

Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đang thấp hơn so với chỉ số cơ sở VN30 từ 9,06 cho đến 25,16 điểm, cho thấy các trader tiếp tục nghiêng về khả năng thị trường có thể sớm điều chỉnh trở lại.

# MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **6/9/2022**

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index



Bốn phiên liên tiếp, VN-INDEX đều tạo thành cây nến có bóng nến trên dài và thanh khoản trong cả 4 phiên này đều thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Điều này tiếp tục cho thấy là bên mua và bên bán đang khá phân vân ở thời điểm hiện tại khi mà thị trường hiện đang khá gần với vùng kháng cự được đánh giá là mạnh của chỉ số trong khoảng 1.285-1.315 điểm (đỉnh sóng hồi phục b) vào đầu tháng 6/2022.

Trên góc độ ngắn hạn, VN-INDEX tiếp tục kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật quanh 1.270 điểm (MA20 ngày) nên xu hướng trong ngắn hạn có thể coi là vẫn nghiêng về tích cực và VN-INDEX có thể sẽ vượt qua ngưỡng 1.285 điểm trong thời gian tới để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.300 điểm tiếp theo. Tuy nhiên, nếu áp lực bán trong vùng kháng cự 1.285-1.315 điểm là đủ mạnh, VN-INDEX có thể sẽ điều chỉnh về vùng kháng cự mạnh hơn quanh ngưỡng 1.250 điểm (MA100 ngày).

Trên góc độ dài hạn hơn, chúng tôi đánh giá đỉnh của sóng hồi phục b trước đó trong khoảng 1.285-1.315 điểm được tạo thành vào đầu tháng 6/2022 vẫn sẽ là vùng kháng cự mạnh của thị trường trong giai đoạn từ giờ cho đến hết năm. Việc VN-INDEX có thể vượt qua vùng kháng cự này trong thời gian tới hay không có thể làm thay đổi giả định về xu hướng trong trung và dài hạn của thị trường.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX tiếp tục cố gắng vượt qua ngưỡng kháng cự quanh 1.285 điểm trong phiên thứ tư liên tiếp. Nhưng kết quả là vẫn thất bại với thanh khoản tuy được cải thiện so với ba phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình. Rõ ràng là tâm lý nhà đầu tư vẫn rất phân vân ở thời điểm hiện tại cho từng quyết định mua hay bán.

VN-INDEX vẫn đang duy trì trong vùng 1.260 điểm - 1.285 điểm và trong ngắn hạn có thể chịu áp lực điều chỉnh về vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.270 điểm tương ứng MA20 đồ thị ngày. Trường hợp tích cực VN-INDEX cần cải thiện xu hướng vượt lên vùng kháng cự 1.285 điểm với thanh khoản gia tăng trở lại trong những phiên tới. Ngược lại nếu VN-INDEX để mất vùng hỗ trợ quanh 1.270 điểm thì áp lực bán ngắn hạn có thể gia tăng dẫn đến VN-INDEX điều chỉnh về vùng 1.260 điểm.

Trên góc nhìn dài hạn, thị trường vẫn đang tích lũy trên nền định giá ở mức thấp so với trung bình 5 năm gần nhất, trong bối cảnh tăng trưởng nền kinh tế vẫn được duy trì. Tuy nhiên ở vùng giá hiện tại, sau nhịp phục hồi từ vùng đáy 1.140 điểm - 1.150 điểm thì thị trường sẽ phân hóa mạnh dựa vào kỳ vọng tăng trưởng trong nửa cuối năm 2022. Do đó vẫn duy trì những cơ hội đầu tư tăng trưởng tốt, nhưng cần chọn lọc cẩn thận hơn.

Nhà đầu tư nên duy trì tỉ trọng hợp lý. Hạn chế mua đuổi, loại bỏ các mã yếu kém hơn so với thị trường chung nếu có, để tái cơ cấu danh mục hiệu quả tốt hơn. Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định phù hợp.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 6/9/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
QNS	47.89	46-48.5	62-64	42	13.6	8.7%	1.3%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 47+-
SZC	53.90	51.5-53.5	64-66	49	19.9	17.0%	-44.1%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 54+-
DCM	36.60	34-35	44-45	31	4.8	72.8%	246.7%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 34+-
BWE	49.60	48-50	60-62	45	12.2	9.4%	19.5%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 49+-
IJC	22.50	22-23	26-28	21	9.5	26.8%	6.6%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 22.5+-

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
23/06/2022	GEX	25.00	18.60	25-26	23	34.41%	Nắm giữ
23/06/2022	TCH	11.95	10.25	13-13.5	11	16.59%	Nắm giữ
27/06/2022	DBC	26.75	18.55	26-28	26	44.20%	Nắm giữ
27/06/2022	TCD	13.75	10.15	14.5-15.5	13	35.47%	Nắm giữ
29/06/2022	VPI	65.60	63.20	76-78	61	3.80%	Nắm giữ
30/06/2022	BSI	29.30	22.40	29-30	28	30.80%	Nắm giữ
01/07/2022	PLC	28.30	22.20	31-32	27	27.48%	Nắm giữ
04/07/2022	VCG	23.10	18.20	24-26	21	26.92%	Nắm giữ
04/07/2022	MBB	23.65	20.25	25-26	22	16.79%	Nắm giữ
11/07/2022	SSI	23.75	20.00	27-28	22.5	18.75%	Nắm giữ
12/07/2022	ASM	16.15	13.45	16.5-17	14.2	20.07%	Nắm giữ
14/07/2022	GVR	25.90	22.60	28-30	24	14.60%	Nắm giữ
02/08/2022	PTB	65.40	61.50	75-77	63	6.34%	Nắm giữ
03/08/2022	HSG	22.10	18.20	22-23	19	21.43%	Nắm giữ
11/08/2022	GAS	116.50	112.00	130-132	109	4.02%	Nắm giữ
16/08/2022	DPR	74.00	72.40	88-90	72	2.21%	Nắm giữ
23/08/2022	BSR	25.68	24.60	31-32	23	4.37%	Nắm giữ
23/08/2022	NLG	42.00	42.80	52-53	40	-1.87%	Nắm giữ
25/08/2022	PVT	22.65	21.80	26-28	20.5	3.90%	Nắm giữ
29/08/2022	PVS	28.10	27.10	32-34	25	3.69%	Nắm giữ



## TIN VÍ MÔ

### **Bổ sung 31.396 tỷ vốn đầu tư công trung hạn cho 7 địa phương**

Thủ tướng quyết định điều chỉnh giảm 31.396 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương đầu tư công trung hạn Bộ Giao thông vận tải cho 7 địa phương. TP HCM, Hà Nội và Bình Dương là 3 địa phương nhận bổ sung vốn đầu tư công lớn nhất đợt này.

### **Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh**

Trưởng Ban chỉ đạo là Phó Thủ tướng Lê Văn Thành. Bộ Kế hoạch & Đầu tư là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

### **Xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, tiêu cực trong quản lý đất đai**

Chính phủ cho phép linh hoạt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong phạm vi tối đa 300.000ha đất trồng lúa nhưng không làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất trồng lúa. Chính phủ yêu cầu xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm, làm hủy hoại đất, thoái hóa đất, hành vi trốn thuế trong chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

### **Thêm 5 doanh nghiệp đầu môi xăng dầu bị tước giấy phép**

Lý do tước giấy phép được Bộ Công Thương đưa ra là vi phạm quy định, không đáp ứng điều kiện về hệ thống phân phối. Thị trường xăng dầu trong nước từ sau kỳ điều hành ngày 22/8 đến nay có nhiều xáo trộn, khi nguồn cung hàng khan hiếm cục bộ, loạt cây xăng treo biển hết hàng.

### **Bộ Giao thông Vận tải: Cần hơn 13.000 tỷ đồng xử lý bất cập BOT**

Theo Bộ Giao thông, để xử lý dứt điểm bất cập tại các trạm thu phí/dự án BOT cần bố trí vốn ngân sách Nhà nước khoảng 13.115 tỷ đồng. Bộ Giao thông kiến nghị Chính phủ không sử dụng trạm thu phí La Sơn-Túy Loan để hoàn vốn cho dự án xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả.



**TIN DOANH NGHIỆP**

**Sau nhiều biến động cổ đông, người có liên quan tới T&D ứng cử vào HĐQT Viconship**

Viconship trình phương án chào bán riêng lẻ 40 triệu cổ phiếu cho 2 doanh nghiệp mới thành lập với giá 20.000 đồng/cp. Nhóm cổ đông liên quan bà Đoàn Thị Tơ đã bán tổng cộng gần 33 triệu cổ phiếu VSC quanh vùng 36.000 – 37.000 đồng/cp.

**Bia Sài Gòn - Miền Trung tạm ứng cổ tức tỷ lệ 25% bằng tiền**

Bia Sài Gòn - Miền Trung thông báo ngày 21/9 tới sẽ chốt danh sách cổ đông, thời gian thanh toán từ 29/9. Công ty vẫn duy trì đều đặn việc trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 35% mỗi năm kể từ 2018.

**Sonadezi Services chốt quyền trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 20%**

Ngày cuối cùng lập danh sách cổ đông là 15/9. Ngày thanh toán dự kiến là 28/9.

**Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên vay ban lãnh đạo 92 tỷ đồng để trả nợ trái phiếu**

Doanh nghiệp có kế hoạch chào bán gần 26 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu giá 20.000 đồng/cp. Phương án tăng vốn của công ty chưa được UBCK chấp thuận nên phải vay tiền từ lãnh đạo để trả nợ trái phiếu đến hạn.

**Hoàng Anh Gia Lai bảo lãnh cho một công ty con vay vốn ngân hàng**

Hưng Thắng Lợi Gia Lai hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ trồng trọt. Hoàng Anh Gia Lai dự kiến bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai tại VPBank với thời gian bảo lãnh 6 tháng.

**PV Power sẽ góp 30% vốn thành lập Điện khí LNG Quảng Ninh**

PV Power sẽ tham gia góp vốn và thành lập CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh với tỷ lệ sở hữu 30% vốn điều lệ. Tới thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của pháp nhân mới chưa được tiết lộ.

**Thủy sản IDI lần đầu tiên trả cổ tức sau 3 năm, tỷ lệ 15% bằng tiền**

Ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức năm 2021 là 26/9. Tổng số tiền chia cổ tức năm 2021 đạt trên 341 tỷ đồng.

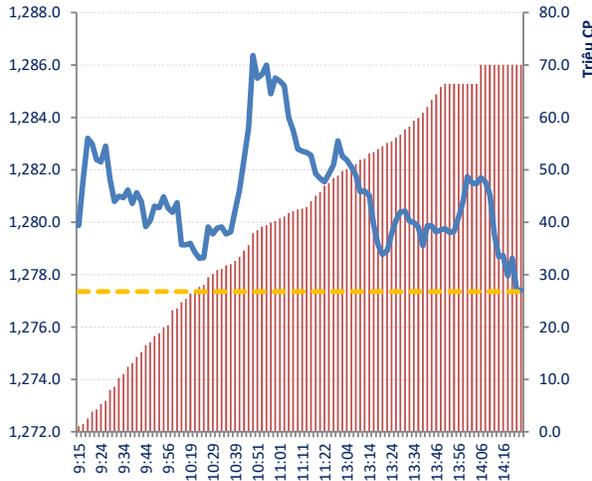
**VEAM lên kế hoạch lợi nhuận giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 5-8%/năm**

Theo kế hoạch 2021-2025 về các chỉ tiêu hợp nhất, giá trị sản lượng và doanh thu sản xuất công nghiệp tăng trưởng bình quân 8-10%/năm; lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 5-8%/năm. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp sẽ đạt 18.854 tỷ đồng, tổng doanh thu 50.764 tỷ đồng, và lợi nhuận sau thuế 27.992 tỷ đồng.

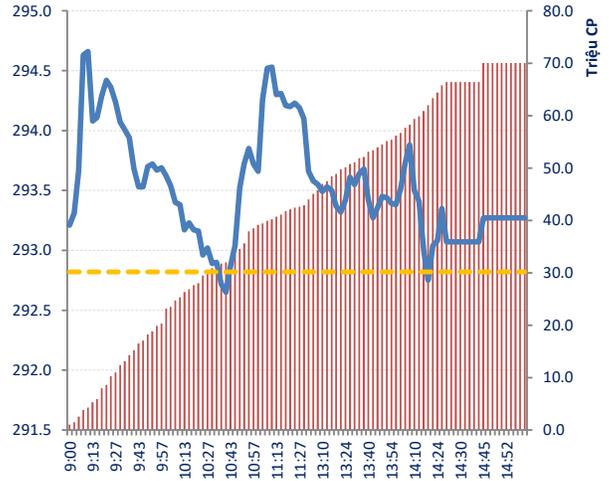


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

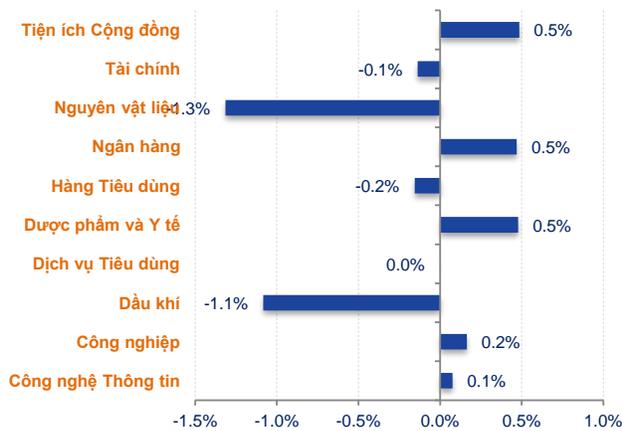
#### KLGD và VN-Index trong phiên



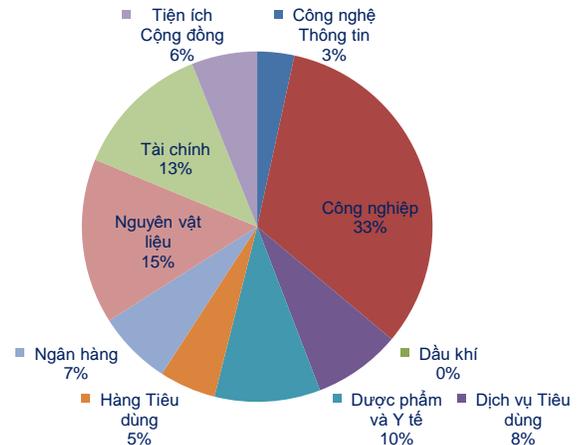
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



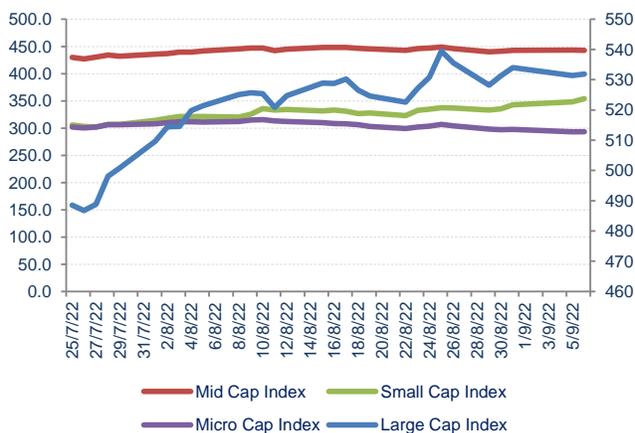
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



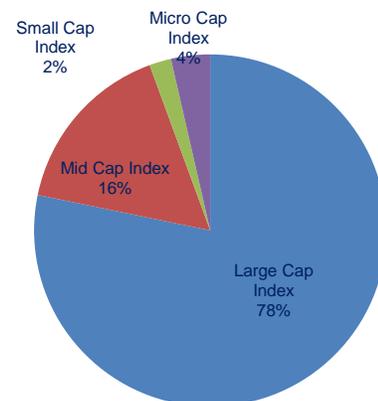
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVD	2,626,100	HPG	1,308,600	1	PVS	1,284,900	BCC	190,000
2	HDB	913,800	MIG	991,800	2	TNG	60,720	DL1	174,300
3	VNM	456,800	STB	871,900	3	SD5	20,300	TVD	66,200
4	PVT	388,000	FUEVFVND	845,700	4	NDN	12,500	VCS	17,377
5	VRE	303,800	KDH	842,700	5	API	7,800	NSH	15,400

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	12.95	12.45	↓ -3.86%	30,804,500	SHS	12.90	13.10	↑ 1.55%	7,265,156
POW	14.00	14.30	↑ 2.14%	30,632,900	PVS	28.40	28.10	↓ -1.06%	7,121,261
HPG	23.90	23.55	↓ -1.46%	15,532,900	KLF	2.40	2.20	↓ -8.33%	5,794,052
GEX	24.35	25.00	↑ 2.67%	15,306,700	ART	4.00	3.60	↓ -10.00%	4,826,472
NKG	22.65	22.55	↓ -0.44%	14,903,400	AMV	7.90	7.80	↓ -1.27%	3,749,381

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CMG	60.50	64.70	4.20	↑ 6.94%	TJC	15.10	16.60	1.50	↑ 9.93%
VNS	18.85	20.15	1.30	↑ 6.90%	SDU	19.60	21.50	1.90	↑ 9.69%
CRC	7.12	7.61	0.49	↑ 6.88%	L40	15.60	17.10	1.50	↑ 9.62%
HUB	27.80	29.70	1.90	↑ 6.83%	VNT	69.80	76.50	6.70	↑ 9.60%
TNC	63.10	67.00	3.90	↑ 6.18%	NSH	7.30	8.00	0.70	↑ 9.59%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FLC	3.72	3.46	-0.26	↓ -6.99%	ART	4.00	3.60	-0.40	↓ -10.00%
TGG	7.41	6.90	-0.51	↓ -6.88%	NHC	34.00	30.60	-3.40	↓ -10.00%
KPF	19.60	18.25	-1.35	↓ -6.89%	L43	4.20	3.80	-0.40	↓ -9.52%
PDN	116.80	108.80	-8.00	↓ -6.85%	PTD	15.90	14.40	-1.50	↓ -9.43%
AMD	2.34	2.18	-0.16	↓ -6.84%	PBP	23.60	21.40	-2.20	↓ -9.32%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	30,804,500	14.6%	750	17.3	2.6
POW	30,632,900	4.9%	668	21.0	1.0
HPG	15,532,900	32.1%	5,164	4.6	1.4
GEX	15,306,700	3.5%	857	28.4	1.0
NKG	14,903,400	30.2%	6,726	3.4	1.0

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	7,265,156	25.5%	1,233	10.5	1.1
PVS	7,121,261	4.1%	1,106	25.7	1.1
KLF	5,794,052	-0.8%	(82)	-	0.2
ART	4,826,472	3.0%	350	11.4	0.3
AMV	3,749,381	8.7%	1,138	6.9	0.6

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMG	↑ 6.9%	10.5%	2,562	23.6	2.3
VNS	↑ 6.9%	-8.8%	(1,619)	-	1.0
CRC	↑ 6.9%	6.2%	743	9.6	0.6
HUB	↑ 6.8%	10.5%	2,703	10.3	1.0
TNC	↑ 6.2%	19.1%	3,354	18.8	3.6

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TJC	↑ 9.9%	22.3%	2,946	5.1	1.1
SDU	↑ 9.7%	0.9%	161	121.6	1.1
L40	↑ 9.6%	-7.0%	(1,302)	-	0.8
VNT	↑ 9.6%	12.5%	1,984	35.2	4.5
NSH	↑ 9.6%	0.1%	13	552.8	0.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	2,626,100	0.0%	1	38,961.1	0.9
HDB	913,800	21.6%	3,464	7.6	1.5
VNM	456,800	26.8%	4,534	17.1	4.4
PVT	388,000	9.3%	2,011	11.2	1.0
VRE	303,800	4.2%	571	48.3	2.0

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	1,284,900	4.1%	1,106	25.7	1.1
TNG	60,720	19.2%	2,807	9.7	1.9
SD5	20,300	4.5%	829	11.7	0.5
NDN	12,500	1.2%	166	63.2	0.9
API	7,800	27.7%	6,061	7.9	2.0

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	390,906	21.7%	5,271	15.7	3.2
VHM	265,616	21.9%	6,510	9.4	2.1
VIC	244,092	-0.3%	(121)	-	1.8
GAS	222,784	23.6%	6,738	17.3	3.7
BID	199,812	14.6%	2,569	15.4	2.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	25,200	6.6%	1,356	61.9	3.8
IDC	20,328	33.9%	5,604	11.0	3.1
THD	19,460	13.1%	2,295	24.2	3.3
NVB	14,198	-1.9%	(189)	-	3.3
PVS	13,574	4.1%	1,106	25.7	1.1

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	3.06	9.2%	2,027	21.5	1.9
CTS	3.05	8.7%	772	25.0	1.6
HDC	2.86	22.7%	3,181	17.6	3.7
TVB	2.86	30.6%	3,494	2.3	0.7
DQC	2.85	2.4%	818	28.9	0.7

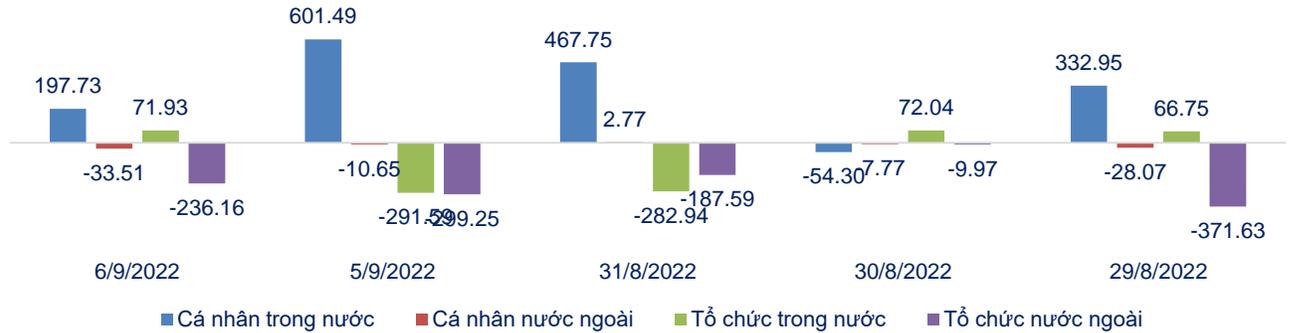
## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	2.38	7.9%	741	19.6	1.4
APS	2.28	62.2%	9,839	1.7	1.3
VGS	2.18	17.0%	3,002	6.3	1.0
PBP	2.16	11.6%	1,553	15.8	1.8
VC9	2.16	2.4%	47	247.9	91.0



**THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT**

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	77.70	11.2%	1,659	18.3	2.0
DCM	42.05	48.2%	7,567	5.1	2.0
HPG	40.38	32.1%	5,164	4.6	1.4
KDH	39.06	12.8%	1,940	19.0	2.3
KBC	37.30	1.6%	351	98.0	1.6

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TDM	-88.56	13.7%	2,546	15.6	2.1
VPB	-57.97	19.6%	3,772	8.3	1.4
PVD	-55.12	0.0%	1	38,961.1	0.9
DGW	-38.26	42.9%	4,845	14.9	5.7
HDB	-21.70	21.6%	3,464	7.6	1.5

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	4.18	68.7%	13,209	7.7	4.0
DIG	1.41	14.3%	1,719	21.9	3.0
DCM	1.27	48.2%	7,567	5.1	2.0
HSG	0.55	18.3%	4,212	5.3	0.9
KBC	0.25	1.6%	351	98.0	1.6

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	-9.71	35.3%	5,014	18.3	5.9
VND	-7.33	12.3%	378	56.6	1.8
HPG	-3.14	32.1%	5,164	4.6	1.4
VRE	-2.60	4.2%	571	48.3	2.0
FPT	-2.58	22.3%	4,505	19.1	4.0

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TDM	88.86	13.7%	2,546	15.6	2.1
VPB	57.97	19.6%	3,772	8.3	1.4
DGW	36.80	42.9%	4,845	14.9	5.7
E1VFN30	28.80	N/A	N/A	N/A	N/A
FUEVFN30	27.99	N/A	N/A	N/A	N/A

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-75.28	11.2%	1,659	18.3	2.0
VNM	-36.01	26.8%	4,534	17.1	4.4
NKG	-30.73	30.2%	6,726	3.4	1.0
HSG	-21.10	18.3%	4,212	5.3	0.9
DCM	-17.60	48.2%	7,567	5.1	2.0

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

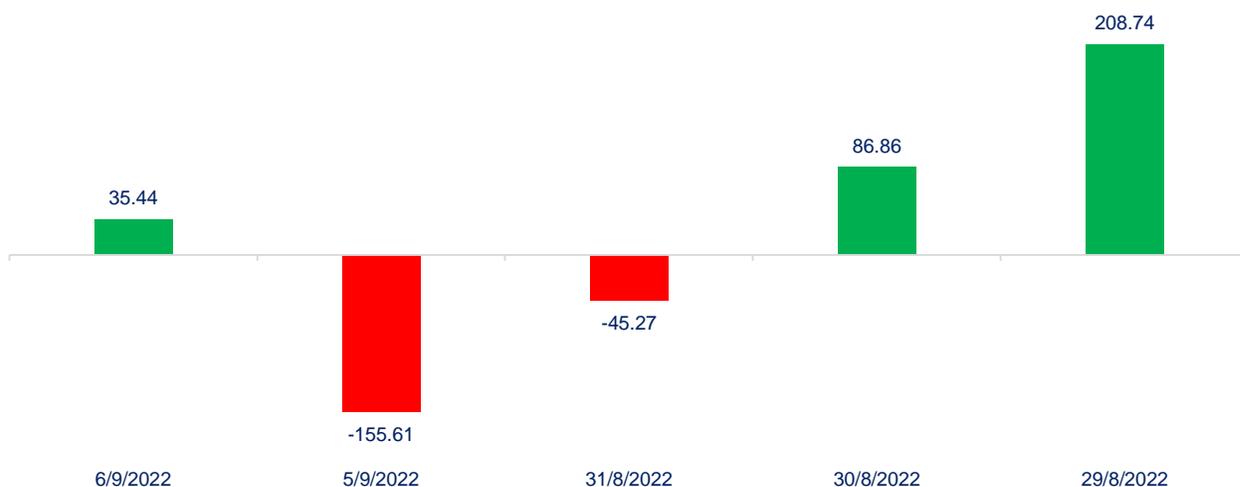
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	56.13	0.0%	1	38,961.1	0.9
VNM	35.92	26.8%	4,534	17.1	4.4
HDB	25.45	21.6%	3,464	7.6	1.5
MSN	14.72	27.1%	7,170	16.1	4.2
HDG	11.49	25.1%	5,709	9.5	2.2

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-34.48	-0.3%	(121)	-	1.8
KDH	-30.57	12.8%	1,940	19.0	2.3
HPG	-27.88	32.1%	5,164	4.6	1.4
KBC	-25.75	1.6%	351	98.0	1.6
DCM	-25.73	48.2%	7,567	5.1	2.0

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

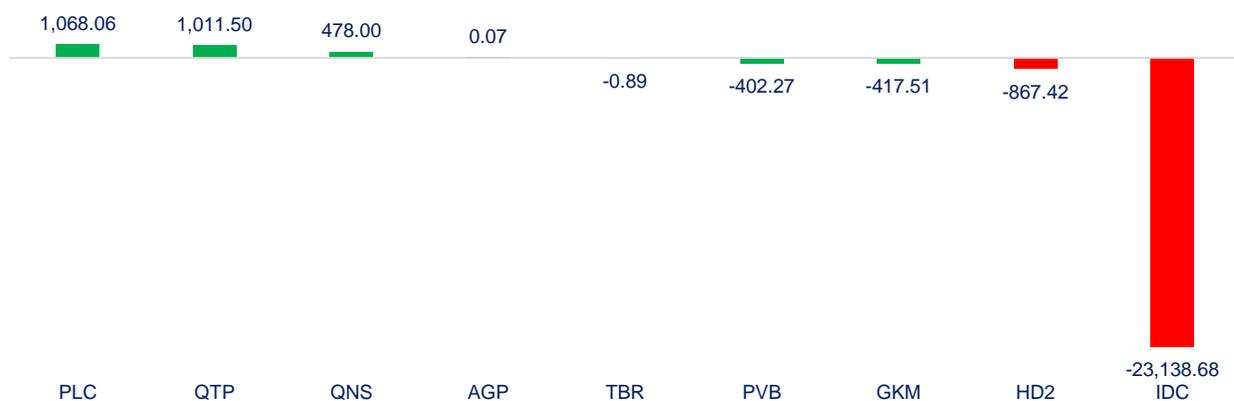
Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HNX và UPCOM (triệu đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)